Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 22-09-2026 16:45:11 +07:00

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

V/v: tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 18 tháng 09 năm 2026

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 16115
Ngày: 22/9/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave	95/Moonmilk/2026	10/09/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 95/Moonmilk/2026

I.Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II.Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave

2.Thành phần: Khoai tây, Dầu thực vật tinh luyện (dầu cọ olein), Bột ngô, Muối, Dextrose, Natri axit pyrophosphat (E450(i)).

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất

4.Quy cách đóng gói: 2.5kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng;

5. Hình dạng kích thước sản phẩm: Cắt Răng Cưa (Crinkle Cut) 11 mm, cắt thẳng (Straight Cut 10 mm, cắt sợi mảnh (Shoestring) 7 mm hoặc theo dạng cắt và kích thước tương ứng được thể hiện trên nhãn của từng sản phẩm.

5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa, phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế

6.Nhà Sản Xuất: Falcon Agrifriz Foods Pvt. Ltd.,

Địa điểm sản xuất: Thửa đất số 740, Làng - Sadra, Huyện - Kadi, Quận: Mehsana - 382715, Gujarat, Ấn Độ

7.Xuất xứ: Ấn Độ

III.Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

- Chỉ tiêu vi sinh vật.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	TSVSVHK	CFU/g	1,1 x 10^3
02	Coliforms	CFU/g	<10
03	E.Coli	CFU/g	<10
04	Salmonella	CFU/g	KPH
05	Listeria monocytogenes	CFU/g	<10
06	Bacillus cereus	CFU/g	<10
07	S.Aureus	CFU/g	<10
08	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	<10

- Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
02	Chì (Pb)	mg/kg	0,1

Nhãn phụ dự kiến

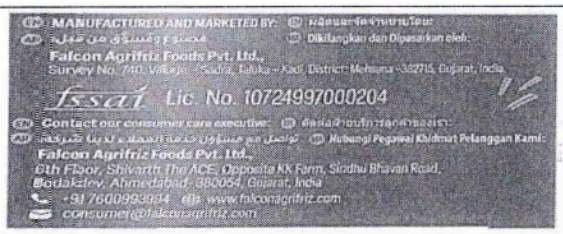
- Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave
- Thành phần: Khoai tây, Dầu thực vật tinh luyện (dầu cọ olein), Bột ngô, Muối, Dextrose, Natri axit pyrophosphat (E450(i)).
- Thông tin về chất gây dị ứng: Được sản xuất tại cơ sở có chế biến lúa mì, sữa.
- Bảo quản: đông lạnh ở nhiệt độ -18C hoặc thấp hơn.
- Thông tin cảnh báo: Không đông lại sau khi đã rã đông. Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng.
- Hướng dẫn sử dụng: Làm nóng dầu ở nhiệt độ 175°C. Chiên nửa giỏ bánh khoai tây Hash Brown trong khoảng 3 phút cho đến khi có màu vàng nhạt.
- Hạn sử dụng : 2 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Ấn Độ
- Nhà sản xuất: FALCON AGRIFRIZ FOODS PVT. LTD. Địa chỉ: Thửa đất số 740, Làng - Sadra, Huyện - Kadi, Quận: Mehsana - 382715, Gujarat, Ấn Độ
- . Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
  CÔNG TY TNHH MOONMILK
  Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
  SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 95/Moonmilk/2026

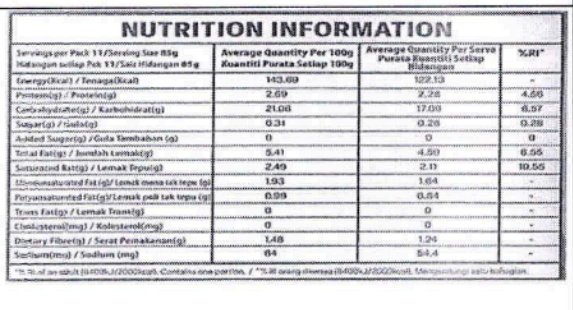
Gía trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	117 kcal
Đạm (Protein)	3.04 g
Carbohydrat (Carbohydrate)	19.5 g
Béo tổng (Total fat)	2.99 g
Béo bão hòa (Saturated fat)	1.55 g
Natri (Sodium)	11.9 mg
Gía trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn	

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM

BẢN DỊCH TRANSLATION

Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave

	**JUST CRAVE** **Khoảnh khắc khó cưỡng** **Khoai tây chiên cắt lượn sóng** Thước đo mức độ thèm ăn: Hơi đói Rất đói Đói lả
	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG Rán ngập dầu: Làm nóng dầu ở nhiệt độ 175°C. Chiên nửa giỏ khoai tây chiên trong khoảng 3 phút cho đến khi có màu vàng nhạt. Nồi chiên không dầu: Làm nóng nồi chiên không dầu trước ở nhiệt độ 200°C. Xếp khoai tây chiên thành một lớp duy nhất trên khay chiên và chiên trong khoảng 15 phút cho đến khi có màu vàng nhạt. Lắc định kỳ trong quá trình chiên để khoai chín đều.
	**SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI BỞI:** **Falcon Agrifriz Foods Pvt. Ltd.,** Thửa đất số 740, Làng - Sadra, Huyện - Kadi, Quận: Mehsana - 382715, Gujarat, Ấn Độ **Số giấy phép:** 10724997000204 **Liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng của chúng tôi:** **Falcon Agrifriz Foods Pvt. Ltd.,** Tầng 6, Shivarth The ACE, Đối diện Nông trại KR, Đường Sindhu Bhavan, Bodakdev, Ahmedabad - 380054, Gujarat, Ấn Độ Điện thoại: +91 7600903094 Trang web: www.falconagrifriz.com Email: consumer@falconagrifriz.com



NUTRITION INFORMATION			
Servings per Pack 11/Serving Size 85g Hidangan setiap Pek 11/Saiz Hidangan 85g	Average Quantity Per 100g Kuantiti Purata Setiap 100g	Average Quantity Per Serve Purata Kuantiti Setiap Hidangan	%RI*
Energy(Kcal) / Tenaga(Kcal)	143.69	122.13	-
Protein(g) / Protein(g)	2.69	2.28	4.56
Carbohydrate(g) / Karbohidrat(g)	21.06	17.09	6.57
Sugar(g) / Gula(g)	0.31	0.26	0.28
Added Sugar(g) / Gula Tambahan (g)	0	0	0
Total Fat(g) / Jumlah Lemak(g)	5.41	4.59	6.55
Saturated Fat(g) / Lemak Tepu(g)	2.49	2.11	10.55
Monounsaturated Fat(g)/ Lemak mono tak tepu (g)	1.93	1.64	-
Polyunsaturated Fat(g)/Lemak poli tak tepu (g)	0.99	0.84	-
Trans Fat(g) / Lemak Trans(g)	0	0	-
Cholesterol(mg) / Kolesterol(mg)	0	0	-
Dietary Fibre(g) / Serat Pemakanan(g)	1.48	1.26	-
Sodium(mg) / Sodium (mg)	64	54.4	-

*% RI of an adult (2000kJ/2000kcal). Contains one portion. / *%RI orang dewasa (8400kJ/2000kcal). Mengandungi satu hidangan.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Số khẩu phần mỗi gói: 11 Kích cỡ khẩu phần: 85g	Hàm lượng trung bình trong 100g	Hàm lượng trung bình trong mỗi khẩu phần	% RI*
Năng lượng (kcal)	143,69	122,13	4,56
Chất đạm (g)	2,69	2,28	4,56
Carbohydrate (g)	21,06	17,09	6,57
Đường (g)	0,31	0,26	0,28
Đường bổ sung (g)	0	0	0
Tổng chất béo (g)	5,41	4,59	6,55

BẢN DỊCH
TRANSLATION

Chất béo bão hòa (g)	2,49	2,11	10,55
Chất béo bão hòa đơn (g)	1,93	1,64	-
Chất béo bão hòađa (g)	0,99	0,84	-
Chất béo trans (g)	0	0	-
Cholesterol (mg)	0	0	-
Chất xơ (g)	1,48	1,24	-
Natri (mg)	64	175,17	54,4

*% RI dựa trên mức năng lượng 8400kJ/2000kcal dành cho người trưởng thành.

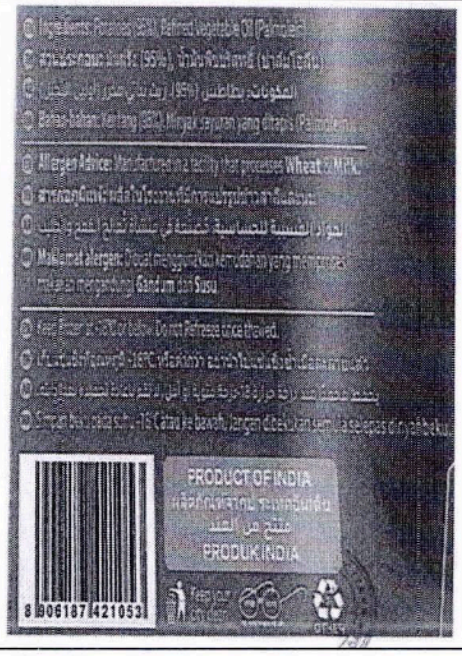


BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG
Số khẩu phần mỗi gói: 11
Kích cỡ khẩu phần: 85g
Lượng calo mỗi khẩu phần: 122,13

		% Giá trị hàng ngày (% DV)
Tổng chất béo	4,59g	5,88%
• Chất béo bão hòa	2,11g	10,55%
• Chất béo chuyển hóa	0g	0%
Cholesterol	0mg	0%
Tổng Carbohydrate	17,09g	6,21%
• Chất xơ	1,24g	4,42%
• Tổng đường	0,26g	0,52%
- Bao gồm 0g Đường bổ sung	0g	0%
Chất đạm	2,28g	4,56%
Natri	54,4mg	2,36%
Vitamin D	0mcg	0%
Canxi	3,4mg	0,26%
Sắt	0mg	0%
Kali	290,4mg	6,17%

* % Giá trị hàng ngày (DV) cho biết lượng dinh dưỡng trong một khẩu phần ăn đóng góp vào chế độ ăn uống hàng ngày ra sao. 2.000 calo mỗi ngày được sử dụng làm mức tham khảo cho chế độ dinh dưỡng chung.

BẢN DỊCH
TRANSLATION

	Thành phần: Khoai tây, Dầu thực vật tinh luyện (dầu cọ olein), Bột ngô, Muối, Dextrose, Natri axit pyrophosphat (E450(i)). Thông tin cảnh báo dị ứng: Được sản xuất tại cơ sở có chế biến lúa mì, sữa. Bảo quản: Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ -18°C hoặc thấp hơn. Một khi đã rã đông, không được cấp đông lại. SẢN PHẨM CỦA ẤN ĐỘ Giữ gìn thành phố sạch đẹp

CÔNG TY TNHH MOONMILK

GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Long

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, Căn cước số: 011300000005 do Bộ Công An cấp ngày 19/05/2025;
Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Anh sang tiếng Việt.**

Ngày 04 tháng 09 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Đặng Thị Hiền Mai

Ngày 04 tháng 09 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mùng bốn, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Đặng Thị Hiền Mai là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 4 tờ, 4 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 127736 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN

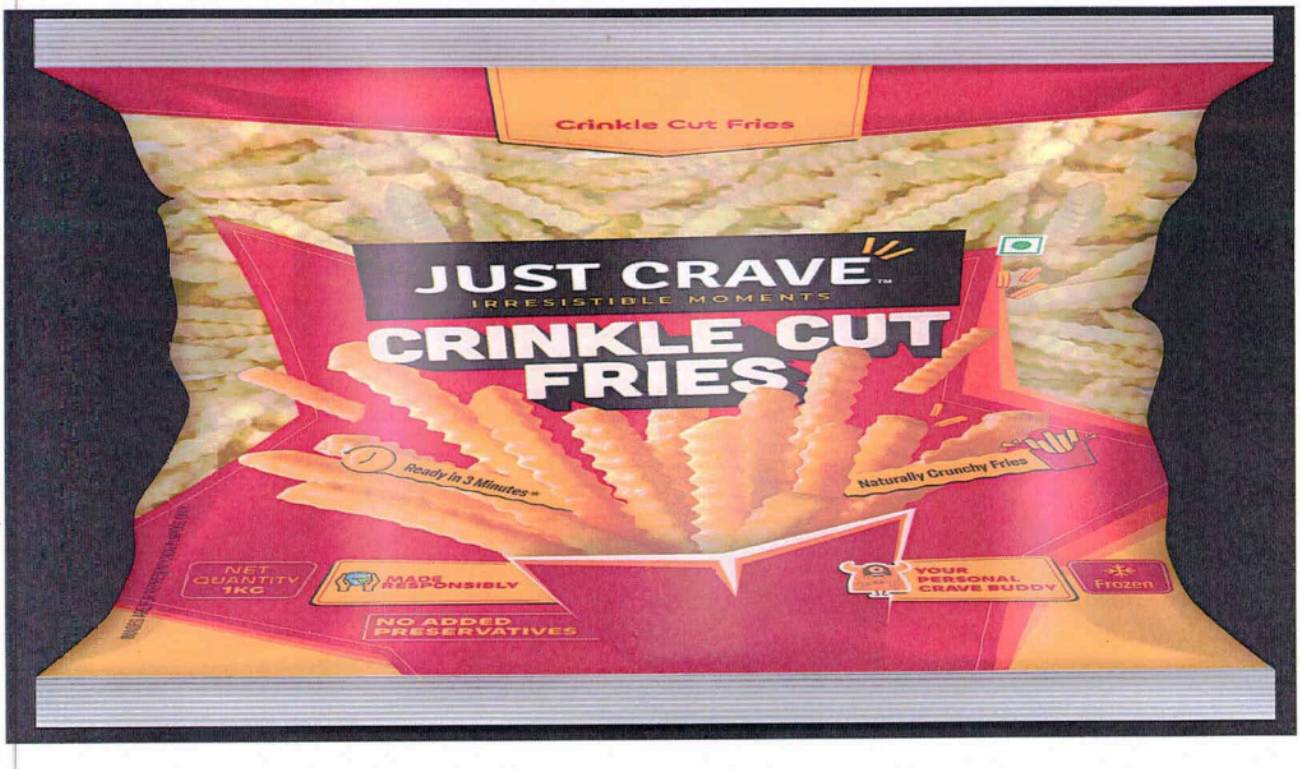
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM

Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave





M.S.D.N: 4201570
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA





EN INSTRUCTION FOR USE TH คำ

Deep Fry:

*Preheat oil to 175°C. Cook half a basket of French Fries for about 3 minutes until light golden colour.

Air Fry:

*Preheat the air fryer to 200°C. Spread the Fries in a single layer on frying tray and air fry for about 15 minutes till light golden colour. Shake at brief intervals for even frying.

EN MANUFACTURED AND MARKETED BY: **TH ผลิตและจัดจำหน่ายโดย:**
AR مصنوع ومُسوَّق من قبل: **MA Dikilangkan dan Dipasarkan oleh:**

Falcon Agrifriz Foods Pvt. Ltd.,
Survey No. 740, Village – Sadra, Taluka – Kadi, District: Mehsana –382715, Gujarat, India.

fssai Lic. No. 10724997000204

EN Contact our consumer care executive: **TH ติดต่อฝ่ายบริการลูกค้าของเรา:**
AR تواصل مع مسؤول خدمة العملاء لدينا شركة: **MA Hubungi Pegawai Khidmat Pelanggan Kami:**

Falcon Agrifriz Foods Pvt. Ltd.,
6th Floor, Shivarth The ACE, Opposite KK Farm, Sindhu Bhavan Road,
Bodakdev, Ahmedabad- 380054, Gujarat, India
+91 7600993994 www.falconagrifriz.com
consumer@falconagrifriz.com

NUTRITION INFORMATION

Servings per Pack 11/Serving Size 85g Hidangan setiap Pek 11/Saiz Hidangan 85g	Average Quantity Per 100g Kuantiti Purata Setiap 100g	Average Quantity Per Serve Purata Kuantiti Setiap Hidangan	%RI*
Energy(Kcal) / Tenaga(Kcal)	143.69	122.13	-
Protein(g) / Protein(g)	2.69	2.28	4.56
Carbohydrate(g) / Karbohidrat(g)	21.06	17.09	6.57
Sugar(g) / Gula(g)	0.31	0.26	0.28
Added Sugar(g) /Gula Tambahan (g)	0	0	0
Total Fat(g) / Jumlah Lemak(g)	5.41	4.59	6.55
Saturated Fat(g) / Lemak Tepu(g)	2.49	2.11	10.55
Monounsaturated Fat (g)/ Lemak mono tak tepu (g)	1.93	1.64	-
Polyunsaturated Fat(g)/Lemak poli tak tepu (g)	0.99	0.84	-
Trans Fat(g) / Lemak Trans(g)	0	0	-
Cholesterol(mg) / Kolesterol(mg)	0	0	-
Dietary Fibre(g) / Serat Pemakanan(g)	1.48	1.24	-
Sodium(mg) / Sodium (mg)	64	54.4	-

*% RI of an adult (8400kJ/2000kcal). Contains one portion. / *% RI orang dewasa (8400kJ/2000kcal). Mengandungi satu bahagian.

Nutrition Facts

11 servings per pack

Serving size **85g**

Amount per serving

Calories **122.13**

	% Daily Value*
Total Fat (4.59g)	**5.88%**
Saturated Fat (2.11g)	**10.55%**
Trans Fat (0g)	**0%**
Cholesterol (0mg)	**0%**
Total Carbohydrates (17.09g)	**6.21%**
Dietary Fiber (1.24g)	**4.42%**
Total Sugar (0.26g)	**0.52%**
Includes 0g Added Sugars	**0%**
Protein (2.28g)	**4.56%**
Sodium (54.4mg)	**2.36%**
Vitamin D (0mcg)	0%
Calcium (3.4mg)	0.26%
Iron (0mg)	0%
Potassium (290.4mg)	6.17%

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

EN **Ingredients:** Potatoes (95%), Refined Vegetable Oil (Palmolein)

TH **ส่วนประกอบ:** มันฝรั่ง (95%), น้ำมันพืชบริสุทธิ์ (ปาล์มโอลีน)

AR **المكونات:** بطاطس (95%)، زيت نباتي مكرر (أولين النخيل)

MA **Bahan-bahan:** Kentang (95%), Minyak sayuran yang ditapis (Palmolein).

EN **Allergen Advice:** Manufactured in a facility that processes **Wheat** & **Milk.**

TH **สารก่อภูมิแพ้:** ผลิตในโรงงานที่มีการแปรรูปข้าวสาลีและนม

AR **المواد المسببة للحساسية:** مُصنَّعة في منشأة تُعالج القمح والحليب

MA **Maklumat alergen:** Dibuat menggunakan kemudahan yang memproses makanan mengandungi **Gandum** dan **Susu**.

EN Keep Frozen at -18°C or below. Do not Refreeze once thawed.

TH เก็บแช่แข็งที่อุณหภูมิ -18°C หรือต่ำกว่า อย่านำไปแช่แข็งซ้ำเมื่อละลายแล้ว

AR يحفظ مجمدًا عند درجة حرارة 18-درجة مئوية أو أقل. لا تقم بإعادة تجميده بعد إذابته.

MA Simpan beku pada suhu -18°C atau ke bawah. Jangan dibekukan semula selepas dinyahbeku.

8 906187 421053

PRODUCT OF INDIA
ผลิตภัณฑ์จากป ระเทศอินเดีย
منتج من الهند
PRODUK INDIA

Keep your city clean

OTHER

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260711-015/1-R1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 25/08/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	11/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	11/07/2026 đến 22/07/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**Khoai tây chiên French Fries hiệu Just Crave**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong bao bì kín/ *Samples in sealed packaging.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/ *Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	1,1 x 10^3	-
2.	Định lượng *E.coli* dương tính với β-glucuronidase/ *Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Phát hiện *Salmonella* spp./ *Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
4.	Định lượng Coliforms/ *Enumeration of Coliforms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng Clostridium perfringens/ *Enumeration of Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm men và nấm mốc/ *Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Định lượng Bacillus cereus giả định/ *Enumeration of presumptive Bacillus cereus*	ISO 7932:2004/Amd 1:2020(a)	CFU/g	<10	-
8.	Định lượng Staphylococcus aureus/ *Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
9.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ *Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015
10.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
11.	Năng lượng/ *Calories*	VLAB-CH-TP-140	Kcal/100g	117	-
12.	Hàm lượng Protein (Nx6,25)/ *Total protein (Nx6,25) content*	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	3,04	-
13.	Hàm lượng Carbohydrat/ *Carbohydrate content* (#)	VLAB-CH-TP-140	g/100g	19,5	-
14.	Hàm lượng Béo tổng/ *Total fat content*	TCVN 4072:2009(a)	g/100g	2,99	-

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
15.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	11,9	-
16.	Hàm lượng thành phần các acid béo (fatty acid)/ *Fatty acids content*	VLAB-CH-TP-628(a)	g/100g	Xem phụ lục 1	-

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

(#) Hàm lượng carbohydrate (không bao gồm xơ).

Phiếu kết quả này thay thế Phiếu kết quả số VLAB0-260711-015/1 ngày 24/07/2026, theo yêu cầu của khách hàng/ *This test report supersedes Test Report No. VLAB0-260711-015/1 dated 24/07/2026, as per customer's request.*

Phụ lục 1: Hàm lượng thành phần các acid béo (fatty acid)

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	LOQ	Ghi chú/ *Notes*
1	Béo bão hoà/ *Saturated fat*	1,55	g/100g	0,01	Tính bằng tổng các acid béo liệt kê dưới đây Lauric acid Myristic acid Pentadecanoic acid Palmitic acid Heptadecanoic acid Stearic acid Arachidic acid Behenic acid Lignoceric acid

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province